TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v " *TrA chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hùng; Ông Bành Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hồ Hải Hương - Thư ký Toà án nhân dân thị xã G C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C tham gia phiên toà: ông Phan Ngọc ThA - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2023, về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim A,** sinh năm 1991; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H Ph, xã L H, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: A **Bùi Văn H**, sinh năm 1983; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H Ph, xã L H, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản H giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày: chị và Bùi Văn H sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân L H, thị xã G C vào năm 2012. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm A bỏ đi không thường xuyên về nhà, vợ chồng đã ly thân. Vợ chồng chị không còn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với A H

Về con chung: có hai con tên Bùi Nguyễn Đ Khoa, sinh ngày 25/12/2008, Bùi Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/3/2014 hiện đang được chị nuôi dưỡng và chăm

sóc hai con, chị có điều kiện ổn định, mức thu nhập lương công nhân mỗi tháng 8.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

A Bùi Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị Kim A, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và H giải, nên không lấy lời khai và H giải được.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Kim A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- A Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến trình bày về việc chị Kim A xin ly hôn A.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Kim A được ly hôn với A H; Về con chung chị Kim A có thu nhập ổn định có điều kiện nuôi con, A H thì không có ở địa phương, nên chị Kim A được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì chị Kim A chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim A khởi kiện xin ly hôn A Bùi Văn H có nơi cư trú ấp H Ph, xã L H, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã G C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. A Bùi Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, chị Kim A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị Kim A và A Bùi Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có Đ ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Kim A và A H sống chung từ năm 2012. Vợ chồng sống trong thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng xãy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, A H đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị Kim A, nhưng A H không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi H giải. cho thấy A không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này, và tình cảm vợ chồng của hai người cũng đã nhạt phai. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho chị Kim A được ly hôn A H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về con chung: hiện chị Kim A đang chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, Chị Kim A có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con. A H vẫn biết việc chị Kim A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu A H cấp dưỡng nuôi con. A H biết chị Kim A nuôi con nhưng A không có ý kiến phản đối, hay trA chấp gì về việc nuôi con của chị Kim A nên giao con chung cho chị Kim A tiếp tục nuôi con là phù hợp.

[2.2] Về tài sản chung: Chị Kim A xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Chị Kim A xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị Kim A và A H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim A.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với A Bùi Văn H

Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim A được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Bùi Nguyễn Đ Khoa, sinh ngày 25/12/2008, Bùi Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/3/2014; Chị Kim A không yêu cầu A H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi án có hiệu lực pháp luật nếu xét thấy cần thiết chị Kim A và A H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng theo quy định.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0027655 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G C. Như vậy, chị Kim A đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Tiền Giang.
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã G C;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã G C;
- UBND xã L H, thị xã G C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

Trần Thị An Thư